

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN

Số:/2023/HĐ-VTS

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số: 33/2015/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên;

Trên cơ sở tự nguyện, sau khi bàn bạc, các bên thống nhất ký kết Hợp đồng vay tài sản (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với các điều khoản và điều kiện sau đây:

Hôm nay, ngày...tháng...năm tại địa chỉ:.....Chúng tôi gồm có:

BÊN CHO VAY:

Ông/Bà:

Ngày sinh:

Chứng minh nhân dân số:

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú tại:

Chỗ ở hiện tại:

Tài khoản:



(Sau đây gọi là “Bên A”)

BÊN VAY:

CÔNG TY:

Mã số thuế:

Đại diện:

Chức vụ:

Tài khoản:

(Sau đây gọi là “Bên B”)

Hai bên tự nguyện cùng nhau lập và ký Hợp đồng này để thực hiện việc vay tài sản theo các thoả thuận sau đây:

Điều 1. Tài sản vay, mục đích vay và phương thức vay

1. Tài sản vay

a) Bên A là chủ sở hữu số tiền: VNĐ (bằng chữ:.....).

b) Bên A đồng ý cho vay và Bên B đồng ý vay toàn bộ số tiền nêu trên.

2. Mục đích vay: Bên B sử dụng mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Phương thức cho vay: Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, Bên A có trách nhiệm giao tiền cho Bên B vay bằng hình thức bàn giao tiền mặt số tiền theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Thời hạn vay và lãi suất

1. Thời hạn vay

- a) Thời hạn vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là (.....) năm. Thời hạn vay được tính từ thời điểm Bên B nhận được số tiền vay.
- b) Thời hạn vay có thể được gia hạn thêm nếu hai bên có thỏa thuận. Trường hợp bên B có nhu cầu gia hạn thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày trước thời điểm hết hạn Hợp đồng thì Bên B phải thông báo bằng văn bản với Bên A.

2. Lãi suất cho vay

- a) Bên A đồng ý cho Bên B vay số tiền tại Khoản 1 Điều 1 với lãi suất cho vay là: 14%/năm (*Mười bốn phần trăm trên một năm*).
- b) Lãi suất cho vay trên không thay đổi trong suốt thời hạn vay quy định tại khoản 2 của Điều này

Điều 3. Thanh toán tiền gốc và lãi vay

1. Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý: hết thời hạn vay, Bên B có nghĩa vụ phải trả cả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Bên A;
2. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến thuế thu nhập cá nhân (nếu có) của Bên A thì Bên B sẽ trừ vào tiền của Bên A khi thanh lý Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm ứng nộp trước các khoản tiền này cho cơ quan thuế theo đúng quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1.1. Bên A có các quyền sau đây

- a) Yêu cầu Bên B thanh toán tiền gốc và tiền lãi vay theo điều kiện thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b) Kiểm tra việc sử dụng tài sản vay và có quyền đòi lại tài sản vay trước thời hạn, nếu đã nhắc nhở mà bên vay vẫn sử dụng tài sản trái mục đích;
- c) Được dùng Hợp đồng cho vay này để cầm cố, thế chấp và thực hiện các giao dịch dân sự có bảo đảm khác trên cơ sở có sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

1.2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây

- a) Chuyển giao tài sản cho vay cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trong Hợp đồng này;
- b) Không được yêu cầu Bên B trả lại tài sản vay trước thời hạn, trừ trường hợp được Bên B đồng ý hoặc theo quy định của pháp luật;
- c) Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp và nguồn gốc của tài sản vay trên;
- d) Đảm bảo bí mật thông tin theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng này.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

2.1 Bên B có các quyền sau đây

- a) Yêu cầu Bên A chuyển tiền cho vay theo đúng thời hạn thỏa thuận trong Hợp đồng;
- b) Được sử dụng tài sản vay theo đúng mục đích đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- c) Có quyền trả lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho Bên A một khoảng thời gian hợp lý theo quy định tại Điểm e, khoản 2.2 của Điều này.

2.2 Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Đảm bảo sử dụng tiền vay đúng mục đích theo quy định của Hợp đồng này;
- b) Đảm bảo duy động các nguồn vốn hợp pháp của mình để trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo Hợp đồng này;

- c) Trả đủ số tiền khi hết thời hạn vay;
- d) Không được cho Bên thứ ba vay lại, nếu không có sự đồng ý của Bên A;
- e) Trường hợp Bên B muốn trả tiền vay trước thời hạn thì phải báo trước cho Bên A trước 30 (ba mươi) ngày.

Điều 5. Cam kết và bảo đảm

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam đoan sau:

1. Bên A cam đoan:
 - a) Những thông tin về nhân thân, về tài sản cho vay đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b) Tài sản cho vay thuộc trường hợp được cho vay tài sản theo quy định của pháp luật;
 - c) Tài sản cho vay thuộc sở hữu hợp pháp của Bên A;
 - d) Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - + Tài sản cho vay nói trên không có tranh chấp;
 - + Tài sản cho vay nói trên không bị kê biên để bảo đảm thi hành án và không bị cơ quan Tài sản nước có thẩm quyền xem xét, xử lý theo pháp luật;
 - + Tài sản cho vay nói trên không tham gia và thực hiện bất cứ một nghĩa vụ và bất kỳ giao dịch nào khác như thế chấp, bảo lãnh, mua bán, tặng cho, trao đổi, góp vốn vào doanh nghiệp...
2. Bên B cam đoan
 - a) Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - b) Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản cho vay nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này;
 - c) Bên B cam đoan trả đầy đủ số tiền đã vay cho Bên A theo đúng thời hạn đã quy định.
3. Hai bên cùng cam đoan
 - a) Hai bên cam đoan việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ tài sản nào cũng như để thực hiện bất kỳ một mục đích nào gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của người khác;
 - b) Hai bên cam đoan thực hiện đúng và đầy đủ những thỏa thuận ghi trong Hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm thì phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bên kia hoặc người thứ ba (nếu có);
 - c) Sự kiện bất khả kháng trong mọi tình huống không được áp dụng trong Hợp đồng này.

Điều 6. Bí mật thông tin

1. Mỗi Bên tham gia Hợp đồng này có nghĩa vụ giữ bí mật mọi thông tin về Hợp đồng này và thông tin và mình được Bên kia cung cấp, ngoại trừ trong các trường hợp sau:
 - a) Việc tiết lộ thông tin là theo yêu cầu Hợp pháp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc;
 - b) Thông tin được tiết lộ là thông tin công khai.
2. Thông báo công khai: Mỗi Bên đồng ý rằng sẽ không tiến hành công bố công khai bất kỳ sự thảo luận nào liên quan tới Hợp đồng này hoặc bất kỳ thông tin liên quan nào dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự thảo luận và chấp nhận trước bằng văn bản của bên kia;

3. Hiệu lực bảo mật: Nghĩa vụ này phải được các bên duy trì trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, sau khi Hợp đồng đã hoàn thành và cả trong trường hợp Hợp đồng này không được giao kết hoặc bị chấm dứt, hủy bỏ.

Điều 7. Phạt vi phạm

1. Bên B phải đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Bên A theo đúng thời hạn quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này. Nếu Bên B chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu phạt lãi quá hạn bằng 0.05% số tiền chậm trả đối với mỗi ngày chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.
2. Trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ báo trước tại Điểm e khoản 2.2 Điều 4 của Hợp đồng này thì phải chịu mức phạt là 0.05% giá trị Hợp đồng.

Điều 8. Hiệu lực của Hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn Hợp đồng theo quy định. Khi hai bên hoàn thành quyền và nghĩa vụ Hợp đồng, hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng.
2. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng này trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa các bên dựa trên tinh thần hợp tác, thiện chí.

Trong trường hợp thương lượng, hòa giải không đạt kết quả thì tranh chấp sẽ được các bên gửi đến Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Bên thua kiện có trách nhiệm chi trả toàn bộ chi phí liên quan đến pháp lý.

3. Hợp đồng này gồm 04 (*bốn*) trang, được lập thành 02 (*hai*) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (*một*) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B